

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:            /            /QĐ-UBND            Đăk Lăk, ngày            tháng            năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền  
số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước”;*



## **QUY CHẾ**

### **Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: / /QĐ-UBND ngày / /  
của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng (*sau đây gọi tắt là mạng TSLCD*) cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Các nội dung khác quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng TSLCD của các cơ quan Đảng, Nhà nước; Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Mạng TSLCD của các cơ quan Đảng, Nhà nước: Là hệ thống thông tin quan trọng quốc gia, được sử dụng trong hoạt động truyền số liệu của các cơ quan Đảng, Nhà nước. Mạng TSLCD bao gồm mạng TSLCD cấp I và mạng TSLCD cấp II.

2. Mạng TSLCD cấp II của tỉnh Đắk Lắk kết nối đến:

a) Các Ban thuộc Tỉnh ủy; Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Đảng ủy xã, phường, thị trấn;

b) Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã;

c) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện và cấp xã;

d) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và cấp huyện;

đ) Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện;

e) Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện;

g) Kiểm toán nhà nước khu vực XII;

h) Các cơ quan, tổ chức khác theo yêu cầu của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

3. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: Là các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh có điểm kết nối vào mạng TSLCD cấp II.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II**

#### **Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

2. UBND tỉnh quyết định việc phát triển, mở rộng quy mô của hệ thống mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hệ thống mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

3. Triển khai mạng TSLCD cấp II bằng hình thức thuê dịch vụ.

4. Các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II có trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo vệ thiết bị lắp đặt mạng theo quy định; nâng cao hiệu quả, chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước của đơn vị.

5. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II tham gia quản lý và vận hành TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh theo quy định.

#### **Điều 4. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II**

Dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II bao gồm: Dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng và các dịch vụ cộng thêm được quy định tại Điều 5, Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

#### **Điều 5. Các ứng dụng khai thác trên mạng TSLCD cấp II**

1. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

2. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh.

3. Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

4. Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

5. Hệ thống camera trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ các cơ quan nhà nước giám sát hoạt động, quản lý công tác đảm bảo an ninh, an toàn trật tự xã hội; xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh.

6. Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh Local Government Service Platform (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

7. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, bao gồm: Hệ thống từ cấp tỉnh đến cấp huyện và hệ thống từ cấp huyện đến cấp xã.

8. Các dịch vụ công trực tuyến.

9. Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác cần an toàn và bảo mật thông tin cao, có yêu cầu kết nối liên thông, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 6. Giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II**

1. Cước phí sử dụng mạng TSLCD cấp II được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước tỉnh và áp dụng theo Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng TSLCD của cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh thực hiện công khai giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II theo quy định.

### **Điều 7. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II**

1. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư 27/2017/TT-BTTTT.

2. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II khai thác, sử dụng, chia sẻ thông tin trong cơ sở dữ liệu, dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, từng cá nhân.

3. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II thực hiện bảo quản, sao lưu dữ liệu định kỳ cho các cơ sở dữ liệu được khai thác, sử dụng, chia sẻ trên mạng TSLCD cấp II do đơn vị mình quản lý vận hành.

### **Điều 8. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II**

1. Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 11, Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

2. Mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm ứng quy định tại Khoản 3, Điều 9, Thông tư 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số Điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và yêu cầu cơ bản cho hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo TCVN 11930:2017.

### **Chương III**

## **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

### **Điều 9. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý, cung cấp, khai thác và sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh theo quy chế này.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn, đào tạo kiến thức quản trị hệ thống, an toàn mạng, bảo mật thông tin, quản lý và khai thác mạng TSLCD cấp II nhằm giúp các tổ chức, cá nhân sử dụng hiệu quả và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II. Xây dựng quy chế mẫu về sử dụng, phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng TSLCD cấp II để hỗ trợ các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II tham khảo, xây dựng thành quy chế nội bộ.

3. Xây dựng và tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.

4. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về Mạng TSLCD cấp II cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

5. Chủ trì kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

6. Phối hợp với các tổ chức có liên quan thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn kiến trúc hạ tầng và an ninh thông tin đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, an ninh thông tin theo quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

7. Khi cần bổ sung, thay đổi điểm kết nối mạng TSLCD cấp II, Sở Thông tin và Truyền thông gửi đề nghị bằng văn bản về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương).

8. Trước ngày 15/12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương), UBND tỉnh về tình hình sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục 3, Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

### **Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Trên cơ sở dự toán của các đơn vị lập kế hoạch và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí triển khai các nhiệm vụ, duy trì hoạt động mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### **Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II**

1. Bảo đảm tuân thủ Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II; xây dựng quy chế nội bộ về việc sử dụng mạng TSLCD cấp II; xây dựng phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ triển khai thiết lập hệ thống máy chủ, cài đặt thiết bị, địa chỉ IP kết nối mạng TSLCD cấp II tại đơn vị; tổ chức khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm do đơn vị chủ trì triển khai trên mạng TSLCD cấp II.

3. Bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng máy tính tại đơn vị như: Lập nhật ký theo dõi quá trình hoạt động của các thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II; quản lý chặt chẽ hệ thống hạ tầng và thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II của đơn vị; không tự ý cài đặt các phần mềm ứng dụng lên hệ thống máy chủ có kết nối mạng TSLCD cấp II khi chưa có sự đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông.

4. Cử nhân sự tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc các lớp đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

5. Phối hợp xử lý sự cố kết nối với mạng TSLCD cấp II.

a) Đối với các sự cố thông thường (*về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ*) các đơn vị liên hệ trực tiếp đầu mối bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ mạng TSLCD cấp II để được hỗ trợ khắc phục sự cố.

b) Đối với các sự cố nghiêm trọng (*các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền, các sự cố liên quan đến an toàn thông tin, mất dữ liệu...*) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị, vượt quá khả năng tự khắc phục của cơ quan, đơn vị phải thông báo kịp thời cho Sở Thông tin và Truyền thông để phối hợp trong công tác khắc phục.

c) Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến mạng TSLCD cấp II phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để phối hợp, nhằm đảm bảo nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II tỉnh Đắk Lắk;

6. Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, vận hành và sử dụng đối với mạng TSLCD cấp II về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 10/12 hàng năm theo Phụ lục 3, Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

## **Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II**

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm được quy định tại Điều 16, Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật, tập huấn, đào tạo kiến thức quản trị hệ thống, an toàn mạng, bảo mật thông tin, quản lý và khai thác mạng TSLCD cấp II nhằm giúp các tổ chức, cá nhân sử dụng hiệu quả và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II.

3. Kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch vụ mới ban hành theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 13. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng mạng TSLCD cấp II**

1. Tuân thủ các quy định cụ thể về truy cập, khai thác sử dụng mạng TSLCD cấp II, không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, địa chỉ IP và mật khẩu truy cập các ứng dụng trên mạng TSLCD cấp II cho các cá nhân, tổ chức không có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách có liên quan của nhà nước về công nghệ thông tin và viễn thông; quản lý và cung cấp thông tin; chế độ bảo mật, an toàn, an ninh thông tin.

3. Không tự ý cài đặt, tháo gỡ, di chuyển, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng TSLCD cấp II vào các mục đích không thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ.

4. Khi sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để giải quyết.

### **Điều 14. Tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Nghị**